

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/OFV/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Thực Phẩm Orion Vina.

Địa chỉ: Lô E-13-CN đường NA3, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, TP. Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274 3553700

Mã số doanh nghiệp: 3700667933

Doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận “Chứng nhận hệ thống An toàn thực phẩm FSSC 22000” cho cơ sở sản xuất:

Địa chỉ	Nơi cấp	Số giấy chứng nhận	Ngày cấp
Công ty TNHH Thực Phẩm Orion Vina. Lô E-13-CN đường NA3, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, TP. Bến Cát, tỉnh Bình Dương.	SGS	VN21/00045	Hiệu lực từ 28/02/2022 đến 27/02/2025.
Chi nhánh Công ty TNHH Thực Phẩm Orion Vina. Khu công nghiệp Yên Phong, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.	SGS	VN20/00109	Hiệu lực từ 01/04/2024 đến 31/03/2027.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: BÁNH SNACK O'STAR VỊ BƠ MẬT ONG

2. Thành phần: khoai tây 59,1%, dầu thực vật, bột gia vị bơ mật ong 7% (đường, bột sữa, muối, maltodextrin, hương liệu (tự nhiên, giống tự nhiên, tổng hợp), đạm đậu nành thủy phân, chất chống đông vón (551), bột nước tương, chất tạo ngọt tổng hợp (951, 955), chất điều vị (627, 631, 635), chất tạo màu tự nhiên (160c(i), 150c, 100(i)), chất điều chỉnh độ acid (330)).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

Ngày sản xuất: được in trên bao bì (ngày/ tháng/ năm).

Hạn sử dụng: 06 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:



- Chất liệu bao bì tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm: OPP/ PE/ VMPET/ LLDPE.

- Quy cách bao gói: 30 g, 52 g, 78 g.

+ 30 g/ gói x 10 gói/ lốc x 8 lốc/ thùng (hoặc bao nylon).

+ 52 g/ gói x 10 gói/ lốc x 4 lốc/ thùng (hoặc bao nylon).

+ 52 g/ gói x 5 gói/ lốc x 8 lốc/ thùng (hoặc bao nylon).

+ 78 g/ gói x 4 gói/ lốc x 8 lốc/ thùng (hoặc bao nylon).

## 5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

5.1. Công ty TNHH Thực Phẩm Orion Vina.

Địa chỉ: (M) Lô E-13-CN đường NA3, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, TP. Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

5.2. Chi nhánh Công ty TNHH Thực Phẩm Orion Vina

Địa chỉ: (Y) Khu công nghiệp Yên Phong, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Chú thích (M), (Y): Ký hiệu địa chỉ nơi sản xuất, được in bên cạnh ngày sản xuất.

## III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

Nhãn sản phẩm phù hợp với nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ về nhãn hàng hóa, nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP, thông tư số 24/2019/TT-BYT và thông tư 17/2023/TT-BYT có hiệu lực từ ngày 09/11/2023 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

## IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. **Chỉ tiêu kim loại nặng:** QCVN 8-2:2011/BYT\_Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Tham khảo nhóm
1	Chì	ppm	$\leq 0,1$	Rau ăn củ và ăn rễ
2	Cadimi	ppm	$\leq 1,0$	Gia vị
3	Arsen	ppm	$\leq 5,0$	Gia vị
4	Thủy ngân	ppm	$\leq 0,05$	Gia vị

2. **Chỉ tiêu độc tố vi nấm:** QCVN 8-1:2011/BYT\_Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm: *không áp dụng cho sản phẩm bánh snack làm từ khoai tây tươi cắt lát.*

3. **Tiêu chuẩn nhà sản xuất**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	$\leq 10^4$
2	Tổng số Coliforms	cfu/g	$\leq 10$
3	<i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/g	$\leq 10$
4	Tổng số tế bào nấm men, nấm mốc	cfu/g	$\leq 10^2$

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Dương, ngày 10 tháng 01 năm 2025

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

**GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY**

(Ký tên, đóng dấu)



Mai Thị Thêm







### BÁNH SNACK O'STAR VỊ BƠ MẬT ONG

- Bánh snack ngon từ củ khoai tây chọn lọc, chế biến theo công nghệ hiện đại, kết hợp với bơ sữa, mật ong, hương vị thơm ngon, mềm mịn, giòn tan, dễ ăn, thích hợp cho mọi lứa tuổi.
- Sản phẩm được đóng gói trong túi nhôm bảo vệ, đảm bảo độ tươi ngon và độ giòn lâu.
- Sản phẩm tự động tự động thực phẩm sạch, không chứa chất bảo quản, không chứa chất béo trans, không chứa gluten, không chứa chất màu nhân tạo, không chứa chất tạo ngọt nhân tạo.
- Sản phẩm được đóng gói trong túi nhôm bảo vệ, đảm bảo độ tươi ngon và độ giòn lâu.
- Sản phẩm được đóng gói trong túi nhôm bảo vệ, đảm bảo độ tươi ngon và độ giòn lâu.

THÀNH PHẦN	QUY KHOAI TÂY	QUY KHOAI TÂY	QUY KHOAI TÂY	QUY KHOAI TÂY
Chất béo	1.5	1.5	1.5	1.5
Chất bột	1.5	1.5	1.5	1.5
Chất xơ	1.5	1.5	1.5	1.5

Các thông tin dinh dưỡng khác có thể tìm thấy trên bao bì sản phẩm.

Mọi thông tin về sản phẩm và công dụng, giá bán, địa chỉ phân phối, vui lòng liên hệ với chúng tôi qua số hotline: 1900.63.36.37



Khối lượng tịnh: 30 g  
Hạn sử dụng: 6 tháng kể từ ngày sản xuất

ORION®

# O'Star

## HONEY BUTTER

vị bơ mật ong



### SERIES

## “CÓ ĐƯỢC CHƯA?”



### GIẢI CỨU GẤU TẠI

#CoupleHoneyButter

NSX:

\* HẠN SỬ DỤNG: 6 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT



# BÁNH SNACK O'STAR VỊ BƠ MẬT ONG

- **THÀNH PHẦN:** KHOAI TÂY 59,1%, DẦU THỰC VẬT, BỘT GIA VỊ BƠ MẬT ONG 7% (ĐƯỜNG, BỘT SỮA, MUỐI, MALTODEXTRIN, HƯƠNG LIỆU (TỰ NHIÊN, GIỐNG TỰ NHIÊN, TỔNG HỢP), ĐẠM ĐẬU NÀNH THỦY PHÂN, CHẤT CHỐNG ĐÔNG VỎ (551), BỘT NƯỚC TƯƠNG, CHẤT TẠO NGỌT TỔNG HỢP (951, 955), CHẤT ĐIỀU VỊ (627, 631, 635), CHẤT TẠO MÀU TỰ NHIÊN (160c(i), 150c, 100(i)), CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330)).
- **SẢN PHẨM CÓ CHỨA CÁC THÀNH PHẦN DỊ ỨNG SAU:** SỮA, LÚA MÌ, ĐẬU NÀNH VÀ CÓ THỂ CHỨA TRỨNG, TÔM, CÁ.
- **SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA.**  
(M) LÔ E-13- CN ĐƯỜNG NA3, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2, PHƯỜNG MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM.  
(Y) KHU CÔNG NGHIỆP YẾN PHONG, XÃ YẾN TRUNG, HUYỆN YẾN PHONG, TỈNH BẮC NINH, VIỆT NAM.
- KÝ HIỆU ĐỊA CHỈ NHÀ MÁY (M), (Y) XEM BÊN CẠNH NGÀY SẢN XUẤT.
- THEO BẢN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.
- **XUẤT XỨ:** VIỆT NAM.
- **BẢO QUẢN** NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT, TRÁNH ÁNH NẮNG TRỰC TIẾP VÀ NHIỆT ĐỘ CAO.
- **DỪNG NGAY SAU KHI MỞ GÓI,** SẢN PHẨM TIẾP XÚC LÂU VỚI KHÔNG KHÍ SẼ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỘ GIÒN.
- **NGÀY SẢN XUẤT (NSX):** ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY/THÁNG/NĂM).

## GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRONG 100 g

NĂNG LƯỢNG	CHẤT ĐẠM	CARBOHYDRAT	ĐƯỜNG TỔNG SỐ
530 kcal	6 g	60 g	5 g
CHẤT BÉO	CHẤT BÉO BÃO HÒA	NATRI	
30 g	13 g	510 mg	

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRONG GÓI 30 g XẤP XỈ 0,3 LẦN GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRONG 100 g.



MỌI THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VUI LÒNG  
LIÊN HỆ TỪ 8h00 – 17h00 HÀNG NGÀY  
(TRỪ THỨ BẢY, CHỦ NHẬT VÀ NGÀY LỄ)  
**SĐT: 1900.63.36.37**



**KHỐI LƯỢNG TÍNH: 30 g**

HÌNH ẢNH TRÊN BAO BÌ MANG TÍNH MINH HỌA.







# BÁNH SNACK O'STAR VỊ BƠ MẬT ONG

• THÀNH PHẦN: KHOAI TÂY 59,1%, DẦU THỰC VẬT, BỘT GIA VỊ BƠ MẬT ONG 7% (ĐƯỜNG, BỘT SỮA, MUỐI, MALTODEXTRIN, HƯƠNG LIỆU (TỰ NHIÊN, GIỐNG TỰ NHIÊN TỔNG HỢP), ĐẠM DẬU NÀNH THỦY PHÂN, CHẤT CHỐNG ĐÔNG VÓN (551), BỘT NƯỚC TƯƠNG, CHẤT TẠO NGỌT TỔNG HỢP (951, 955), CHẤT ĐIỀU VỊ (627, 631, 635), CHẤT TẠO MÀU TỰ NHIÊN (160c(i), 150c, 100(i)), CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330)).

• SẢN PHẨM CÓ CHỨA CÁC THÀNH PHẦN DỊ ỨNG SAU: SỮA, LÚA MÌ, ĐẬU NÀNH VÀ CỎ THỂ CHỨA TRỨNG, TÔM, CÁ.

• BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT, TRÁNH ÁNH NẮNG TRỰC TIẾP VÀ NHIỆT ĐỘ CAO.

• DỪNG NGAY SAU KHI MỞ GÓI, SẢN PHẨM TIẾP XÚC LÂU VỚI KHÔNG KHÍ SẼ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỘ GIÒN.

• SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA.

(M) LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2, PHƯỜNG MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM.

(Y) KHU CÔNG NGHIỆP YÊN PHONG, XÃ YÊN TRUNG, HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH, VIỆT NAM.

KÝ HIỆU ĐỊA CHỈ NHÀ MÁY (M), (Y) XEM BÊN CẠNH NGÀY SẢN XUẤT.

THEO BẢN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.

• XUẤT XỨ: VIỆT NAM.

• NGÀY SẢN XUẤT (NSX): ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY/THÁNG/NĂM).

## GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRONG 100 g

NĂNG LƯỢNG	CHẤT ĐẠM	CARBOHYDRAT	ĐƯỜNG TỔNG SỐ
530 kcal	6 g	60 g	5 g
CHẤT BÉO	CHẤT BÉO BÃO HÓA	NATRI	
30 g	13 g	510 mg	

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRONG GÓI 52 g XẤP XÌ 0,5 LẦN GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRONG 100 g.



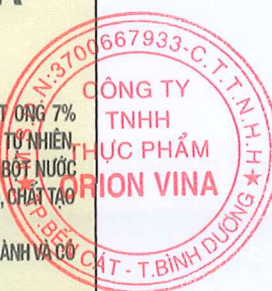
MỌI THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VUI LÒNG  
LIÊN HỆ TỪ 8h00 – 17h00 HÀNG NGÀY  
(TRỪ THỨ BẢY, CHỦ NHẬT VÀ NGÀY LỄ)  
**SĐT: 1900.63.36.37**



8 936029 422771

**KHỐI LƯỢNG TỊNH: 52 g**

HÌNH ẢNH TRÊN BAO BÌ MANG TÍNH MINH HỌA.







### BÁNH SNACK O'STAR VỊ BƠ MẬT ONG

- Thành phần chính từ sữa, dầu thực vật, bột mì và các thành phần khác.
- Sản phẩm được sản xuất theo quy trình công nghệ hiện đại, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Sản phẩm được đóng gói trong bao bì chống ẩm, giữ được hương vị thơm ngon.
- Sản phẩm được phân phối rộng rãi tại các siêu thị, cửa hàng tạp hóa và các điểm bán lẻ khác.
- Sản phẩm được khuyến khích sử dụng cho các bữa ăn nhẹ, đặc biệt là cho trẻ em.
- Sản phẩm được khuyến khích sử dụng cho các bữa ăn nhẹ, đặc biệt là cho trẻ em.

Loại bánh	Trọng lượng	Giá bán
Chitato	10g	1.000đ
Chitato	10g	1.000đ
Chitato	10g	1.000đ

Giá trị dinh dưỡng trong 100g:  
Năng lượng: 1.000kJ  
Chất béo: 10g  
Chất bột: 10g  
Chất xơ: 1g  
Protein: 1g

Địa chỉ: 1900.63.36.37  
Số điện thoại: 1900.63.36.37

Khối lượng tịnh: 78g  
Hộp ăn liền, bảo quản ở nhiệt độ phòng.

ORION®

SHARE  
PACH

# O'Star

## HONEY BUTTER

vị bơ mật ong



CÔNG TY  
THỰC PHẨM  
ORION VINA  
SERIES

## LIU ĐU ĐU CHƯA?

Vào một buổi xem phim như mọi lần...



GIẢI CỨU GÀU TẠI  
#CoupleHoneyButter



• HẠNH THOẠI ĐƯỢC NHẬN THƯỞNG KẾ TÚ NGAY SAU KHI.

# BÁNH SNACK O'STAR

## VỊ BƠ MẬT ONG

• **THÀNH PHẦN:** KHOAI TÂY 59,1%, DẦU THỰC VẬT, BỘT GIA VỊ BƠ MẬT ONG 7% (ĐƯỜNG, BỘT SỮA, MUỐI, MALTODEXTRIN, HƯƠNG LIỆU (TỰ NHIÊN, GIỐNG TỰ NHIÊN, TỔNG HỢP), ĐẠM ĐẬU NÀNH THỦY PHÂN, CHẤT CHỐNG ĐÔNG VÓN (551), BỘT NƯỚC TƯƠNG, CHẤT TẠO NGỌT TỔNG HỢP (951, 955), CHẤT ĐIỀU VỊ (627, 631, 635), CHẤT TẠO MÀU TỰ NHIÊN (160c(i), 150c, 100(i)), CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330)).

• **SẢN PHẨM CÓ CHỨA CÁC THÀNH PHẦN DỊ ỨNG SAU:** SỮA, LÚA MÌ, ĐẬU NÀNH VÀ CỐ THỂ CHỨA TRỨNG, TÔM, CÁ.

• **BẢO QUẢN** NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT, TRÁNH ÁNH NẮNG TRỰC TIẾP VÀ NHIỆT ĐỘ CAO.  
• **DỪNG NGAY SAU KHI MỞ GÓI,** SẢN PHẨM TIẾP XÚC LÂU VỚI KHÔNG KHÍ SẼ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỘ GIÒN.

• **SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA.**

(M) LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2, PHƯỜNG MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM.

(Y) KHU CÔNG NGHIỆP YÊN PHONG, XÃ YÊN TRUNG, HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH, VIỆT NAM.

KÝ HIỆU ĐỊA CHỈ NHÀ MÁY (M), (Y) XEM BÊN CẠNH NGÀY SẢN XUẤT.

THEO BẢN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.

• **XUẤT XỨ:** VIỆT NAM.

• **NGÀY SẢN XUẤT (NSX):** ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY/THÁNG/NĂM).

### GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRONG 100 g

NĂNG LƯỢNG	CHẤT ĐẠM	CARBOHYDRAT	ĐƯỜNG TỔNG SỐ
530 kcal	6 g	60 g	5 g
CHẤT BÉO	CHẤT BÉO BẢO HÒA	NATRI	
30 g	13 g	510 mg	

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRONG GÓI 78 g XẤP XỈ 0,8 LẦN GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRONG 100 g.



MỌI THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VUI LÒNG  
LIÊN HỆ TỪ 8h00 – 17h00 HÀNG NGÀY  
(TRỪ THỨ BẢY, CHỦ NHẬT VÀ NGÀY LỄ)

**SĐT: 1900.63.36.37**



8 936029 422788

**KHỐI LƯỢNG TÍNH: 78 g**

HÌNH ẢNH TRÊN BAO BÌ MANG TÍNH MINH HỌA.







Report N°: 0000792895

Page N° 1/3

Ho Chi Minh City, Date: January 03, 2025

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 03/01/2025

ANALYSIS REPORT

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2411A-1206

Đơn hàng: 2411A-1206

CLIENT'S NAME : ORION FOOD VINA CO., LTD  
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA

CLIENT'S ADDRESS : LOT E-13-CN, ROAD NA3, MY PHUOC II IZ, BEN CAT CITY, BINH DUONG  
Địa chỉ : PROVINCE, VIETNAM  
LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KCN MỸ PHƯỚC 2, P. MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT,  
TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:

THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client  
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng  
Client's reference : Snack O`star Honey Butter  
Chú thích của khách hàng : Bánh Snack O`star Vị Bơ Mật Ong  
Sampling date : Not provided

The above information is submitted and identified by the client/applicant.  
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Food (approx. gr. wt. 0.7kg) in 02 plastic containers  
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 0.7kg bao gồm bao bì) chứa trong 02 vật chứa bằng nhựa

Sample ID : 2411A-1206.002  
Mã số mẫu

Date sample(s) received : November 11, 2024  
Ngày nhận mẫu : 11/11/2024

Testing period : November 11, 2024 - November 16, 2024  
Thời gian thử nghiệm : 11/11/2024 - 16/11/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement  
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)  
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam  
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thạnh Ward,  
Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,  
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

LFOD-QAM-F-2010-1 - 12 Aug, 2024

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service  
<<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations  
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of  
this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings  
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The  
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties  
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction  
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or  
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest  
extent of the law.





Report N°: 0000792895

Page N° 2/3

## TEST RESULT(S)

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Total Plate Count (Mesophilic aerobic microorganism) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022	1.5x10 <sup>4</sup>	-	10	cfu/g	
2. Total Coliforms Coliform tổng	ISO 4832:2006	<10	-	10	cfu/g	
3. Staphylococcus aureus Staphylococcus aureus	US FDA BAM Chapter 12	<10	-	10	cfu/g	
4. Total Yeast and Mold Tổng nấm men và nấm mốc	ISO 21527-2:2008	<10	-	10	cfu/g	

### Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol ( $\Delta$ ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (\*).  
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác ( $\Delta$ ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (\*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (\*\*) after the analyte name.  
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (\*\*) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.  
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.  
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.  
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể

### SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward,  
Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,  
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.





SGS

Report N°: 0000792895

Page N° 3/3

hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đồ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở đáy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở đáy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở đáy ống có nồng độ cao nhất).

\_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

\_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

\*\*\* END OF THE REPORT \*\*\*

Your feedback helps us improve our service.  
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of  
**SGS Vietnam LTD**  
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam  
Lâm Văn Xư



**Lâm Văn Xư**  
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng



#### SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward,  
Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,  
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

LFOD-QAM-F-2010-1 - 12 Aug, 2024

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000792894

Page N° 1/3

Ho Chi Minh City, Date: January 03, 2025

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 03/01/2025

**ANALYSIS REPORT**  
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

**JOB NO.: 2411A-1206**

Đơn hàng: 2411A-1206

**CLIENT'S NAME** : **ORION FOOD VINA CO., LTD**  
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA

**CLIENT'S ADDRESS** : **LOT E-13-CN, ROAD NA3, MY PHUOC II IZ, BEN CAT CITY, BINH DUONG**  
Địa chỉ : **PROVINCE, VIETNAM**  
LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KCN MỸ PHƯỚC 2, P. MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT,  
TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM

**SAMPLE INFORMATION:**  
THÔNG TIN MẪU

**Sampled/ Submitted by** : **Client**  
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

**Client's reference** : **Snack O`star Honey Butter**  
Chú thích của khách hàng : Bánh Snack O`star Vị Bơ Mật Ong

**Sampling date** : **Not provided**

The above information is submitted and identified by the client/applicant.  
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

**Sample description** : **Food (approx. gr. wt. 0.7kg) in 02 plastic containers**  
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 0.7kg bao gồm bao bì) chứa trong 02 vật chứa bằng nhựa

**Sample ID** : **2411A-1206.002**  
Mã số mẫu

**Date sample(s) received** : **November 11, 2024**  
Ngày nhận mẫu : 11/11/2024

**Testing period** : **November 11, 2024 - November 16, 2024**  
Thời gian thử nghiệm : 11/11/2024 - 16/11/2024

**Test(s) requested** : **As applicant's requirement**  
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

**Test result(s)** : **Please refer to the next page(s)**  
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward,  
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,  
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)





Report N°: 0000792894

Page N° 2/3

## TEST RESULT(S)

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Arsenic (As) Asen	AOAC 2013.06	<0.01	0.005	0.01	mg/kg	
2. Cadmium (Cd) Cadimi	AOAC 2013.06	0.017	0.005	0.01	mg/kg	
3. Lead (Pb) Chì	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	0.005	0.01	mg/kg	
4. Mercury (Hg) Thủy ngân	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	0.005	0.01	mg/kg	

### Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol ( $\Delta$ ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (\*).  
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác ( $\Delta$ ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (\*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (\*\*) after the analyte name.  
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (\*\*) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.  
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.  
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.  
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.  
LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).  
LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn

### SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,  
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,  
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service  
<<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations  
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of  
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings  
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The  
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties  
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction  
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or  
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest  
extent of the law.



Report N°: 0000792894

Page N° 3/3

và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đồ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

\_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

\_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

\*\*\* END OF THE REPORT \*\*\*

Your feedback helps us improve our service.  
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of  
**SGS Vietnam LTD**  
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam  
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự  
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng



## SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,  
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,  
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 t(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)





Report N°: 0000792901

Page N° 1/5

Ho Chi Minh City, Date: January 03, 2025

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 03/01/2025

**ANALYSIS REPORT**  
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

**JOB NO.: 2411A-1206**

Đơn hàng: 2411A-1206

**CLIENT'S NAME** : **ORION FOOD VINA CO., LTD**  
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA

**CLIENT'S ADDRESS** : **LOT E-13-CN, ROAD NA3, MY PHUOC II IZ, BEN CAT CITY, BINH DUONG**  
Địa chỉ : **PROVINCE, VIETNAM**  
LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KCN MỸ PHƯỚC 2, P. MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT,  
TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM

**SAMPLE INFORMATION:**  
THÔNG TIN MẪU

**Sampled/ Submitted by** : **Client**  
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

**Client's reference** : **Snack O`star Honey Butter**  
Chú thích của khách hàng : Bánh Snack O`star Vị Bơ Mật Ong

**Sampling date** : **Not provided**

The above information is submitted and identified by the client/applicant.  
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

**Sample description** : **Food (approx. gr. wt. 0.7kg) in 02 plastic containers**  
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 0.7kg bao gồm bao bì) chứa trong 02 vật chứa bằng nhựa

**Sample ID** : **2411A-1206.002**  
Mã số mẫu

**Date sample(s) received** : **November 11, 2024**  
Ngày nhận mẫu : 11/11/2024

**Testing period** : **November 11, 2024 - November 16, 2024**  
Thời gian thử nghiệm : 11/11/2024 - 16/11/2024

**Test(s) requested** : **As applicant's requirement**  
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

**Test result(s)** : **Please refer to the next page(s)**  
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thạnh Ward,  
Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,  
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service  
<<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations  
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.  
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of  
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings  
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The  
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties  
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction  
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or  
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest  
extent of the law.





Report N°: 0000792901

Page N° 2/5

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Crude protein Đạm thô	ISO 1871:2009	6.15	0.03	0.1	g/100g	N x 6.25
2. Total carbohydrate Cacbohydrat tổng	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) (Δ)	59.66	-	-	g/100g	
3. Ash Tro	LFOD-TST-SOP-8159	3.17	0.02	0.06	g/100g	
4. Moisture (105 °C) Độ ẩm (105 °C)	AOAC 925.45	1.09	0.1	0.35	g/100g	
5. Dietary fiber (High molecular weight dietary fiber HMW DF) Xơ (Xơ phân tử cao HMW DF)	AOAC 991.43	3.18	0.1	0.4	g/100g	Note (F)
6. Calories - United States (US) market Năng lượng - Thị trường Mỹ (US)	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) & USDA Food Composition Databases	533	-	-	kcal/100g	
7. Total sugars (as sucrose) Đường tổng (quy về sucroza)	LFOD-TST-SOP-8126 (Luff-Schoorl method)	4.86	0.15	0.5	g/100g	
8. Cholesterol Cholesterol	LFOD-TST-SOP-8554	<1	0.3	1	mg/100g	
9. Total fat (sum of fatty acids, expressed as triglycerides) Béo tổng (tổng của các axit béo, quy về triglycerides)	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	29.9272	0.0001	0.0003	g/100g	
10. Saturated fatty acids (SFA) Hàm lượng axit béo bão hòa (SFA)	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	13.0340	0.0001	0.0003	g/100g	
11. Trans fatty acids (TFA) (sum of C14:1 (trans-), C16:1 (trans-), C18:1 (trans-), C18:2 (trans-), C18:3 (trans-), and C22:1 n-9 (trans-)) Axit béo dạng Trans (TFA) (tổng của C14:1 (trans-), C16:1 (trans-), C18:1 (trans-), C18:2 (trans-), C18:3 (trans-), và C22:1 n-9 (trans-))	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	0.1276	0.0001	0.0003	g/100g	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,  
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,  
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

LFOD-QAM-F-2010-1 - 12 Aug, 2024

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service  
<<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations  
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.  
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of  
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings  
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The  
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties  
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction  
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or  
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest  
extent of the law.



Report N°: 0000792901

Page N° 3/5

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
12. Vitamin D (sum of vitamin D2 and vitamin D3) <i>Vitamin D (tổng của vitamin D2 và vitamin D3)</i>	ISO 20636:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/100g	
13. Vitamin D2 (ergocalciferol) <i>Vitamin D2 (ergocalciferol)</i>	ISO 20636:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	0.3	µg/100g	
14. Vitamin D3 (cholecalciferol) <i>Vitamin D3 (cholecalciferol)</i>	ISO 20636:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	0.3	µg/100g	
15. Sodium (Na) <i>Natri</i>	AOAC 2011.14	505	0.5	1	mg/100g	
16. Calcium (Ca) <i>Canxi</i>	AOAC 2011.14	31	0.5	1	mg/100g	
17. Iron (Fe) <i>Sắt</i>	AOAC 2011.14	0.85	0.025	0.05	mg/100g	
18. Potassium (K) <i>Kali</i>	AOAC 2011.14	1127	0.5	1	mg/100g	

#### Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (\*).  
*Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (\*).*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (\*\*) after the analyte name.  
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (\*\*) sau tên chỉ tiêu.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.  
*Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.*
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.  
*Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.*
- (US) Carbohydrate (total) factor: 4 kcal/g, Fat factor: 9 kcal/g, Protein factor: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Source: FAO - Food and Nutrition paper 77 (2003) & USDA Food Composition Databases).  
*(US) Hệ số của carbohydrate tổng: 4 kcal/g, hệ số của chất béo: 9 kcal/g, hệ số của chất đạm: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Nguồn: FAO - Thực phẩm và Dinh dưỡng số 77 (2003) & Cơ sở dữ liệu dinh dưỡng thực phẩm quốc gia của USDA).*
- (F) The result that was calculated by sum of insoluble dietary fiber (IDF) and high molecular weight soluble dietary fiber (HMW SDF) was not included with low molecular weight soluble dietary fiber (LMW SDF).  
*(F) Kết quả được tính từ tổng hàm lượng xơ không hòa tan (IDF) và xơ hòa tan phân tử lượng cao (HMW SDF), không bao gồm xơ hòa tan phân tử lượng thấp (LMW SDF).*
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.

#### SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward,  
 Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,  
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)





Report N°: 0000792901

Page N° 4/5

LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

\_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

\_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

REPORT RESULTS REFERS TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

\*\*\* END OF THE REPORT \*\*\*

## SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,

Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

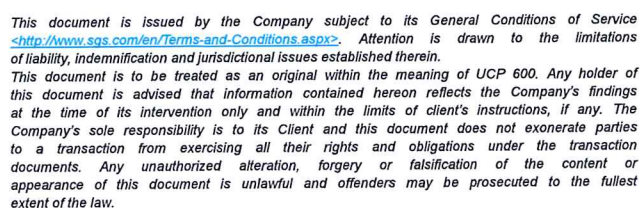
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.







Report N°: 2501030051

Page N°: 1/ 5

Ho Chi Minh City, Date: November 16, 2024  
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 16/11/2024

APPENDIX

PHỤ LỤC

Sample ID: 2411A-1206.002: Snack O'star Honey Butter  
Bánh Snack O'star Vị Bơ Mật Ong

JOB NO.: 2411A-1206

Đơn hàng: 2411A-1206

NUTRITION FACT TABLE APPENDIX I (US MARKET)

Nutrition Facts <sup>(Δ)</sup>	
1 serving per container	
<b>Serving size</b>	<b>30 g</b>
<b>Amount per serving</b>	
<b>Calories</b>	<b>160</b>
% Daily value *	
<b>Total Fat 9g</b>	<b>12%</b>
Saturated Fat 4g	20%
Trans Fat 0g	
<b>Cholesterol 0mg</b>	<b>0%</b>
<b>Sodium 150mg</b>	<b>7%</b>
<b>Total Carbohydrate 18g</b>	<b>7%</b>
Dietary Fiber less than 1g	3%
Total Sugars 1g	
includes 1g Added Sugars	3%
<b>Protein 2g</b>	
Vitamin D 0mcg	0%
Calcium 0mg	0%
Iron 0mg	0%
Potassium 340mg	8%
* The % Daily Value tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice	

<sup>(Δ)</sup> for reference only. Clients will be responsible for the final formats of nutrition fact label declared on the actual products.

Added sugars value was provided by clients

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

**Can Tho Laboratory:** Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service ([www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx](http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx)). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

The authenticity of this document may be verified at  
<https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.

## NUTRITION FACT TABLE APPENDIX II (US MARKET)

Nutrition Facts <sup>(Δ)</sup>	
1 serving per container	
<b>Serving size</b>	<b>48 g</b>
<b>Amount per serving</b>	
<b>Calories</b>	<b>260</b>
	<b>% Daily value *</b>
<b>Total Fat 14g</b>	<b>18%</b>
Saturated Fat 6g	<b>31%</b>
Trans Fat 0g	
<b>Cholesterol 0mg</b>	<b>0%</b>
<b>Sodium 240mg</b>	<b>11%</b>
<b>Total Carbohydrate 29g</b>	<b>10%</b>
Dietary Fiber 2g	<b>5%</b>
Total Sugars 2g	
includes 2g Added Sugars	<b>5%</b>
<b>Protein 3g</b>	
Vitamin D 0mcg	<b>0%</b>
Calcium 0mg	<b>0%</b>
Iron 0.4mg	<b>2%</b>
Potassium 540mg	<b>10%</b>
* The % Daily Value tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice	

<sup>(Δ)</sup> for reference only. Clients will be responsible for the final formats of nutrition fact label declared on the actual products.

Added sugars value was provided by clients

**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

**Can Tho Laboratory:** Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service ([www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx](http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx)). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

The authenticity of this document may be verified at <https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.



## NUTRITION FACT TABLE APPENDIX III (US MARKET)

<b>Nutrition Facts</b> <sup>(Δ)</sup>	
1 serving per container	
<b>Serving size</b>	<b>90 g</b>
<b>Amount per serving</b>	
<b>Calories</b>	<b>480</b>
% Daily value *	
<b>Total Fat 27g</b>	<b>35%</b>
Saturated Fat 12g	<b>59%</b>
Trans Fat 0g	
<b>Cholesterol 0mg</b>	<b>0%</b>
<b>Sodium 450mg</b>	<b>20%</b>
<b>Total Carbohydrate 54g</b>	<b>20%</b>
Dietary Fiber 3g	<b>10%</b>
Total Sugars 4g	
includes 4g Added Sugars	<b>9%</b>
<b>Protein 6g</b>	
Vitamin D 0mcg	<b>0%</b>
Calcium 30mg	<b>2%</b>
Iron 0.8mg	<b>4%</b>
Potassium 1010mg	<b>20%</b>
* The % Daily Value tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice	

<sup>(Δ)</sup> for reference only. Clients will be responsible for the final formats of nutrition fact label declared on the actual products.

Added sugars value was provided by clients

**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

**Can Tho Laboratory:** Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service ([www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx](http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx)). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

The authenticity of this document may be verified at  
<https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.

## NUTRITION FACT TABLE APPENDIX IV (US MARKET)

Nutrition Facts <sup>(Δ)</sup>	
1 serving per container	
<b>Serving size</b>	<b>100 g</b>
<b>Amount per serving</b>	
<b>Calories</b>	<b>530</b>
	<b>% Daily value *</b>
<b>Total Fat 30g</b>	<b>38%</b>
Saturated Fat 13g	<b>65%</b>
Trans Fat 0g	
<b>Cholesterol 0mg</b>	<b>0%</b>
<b>Sodium 510mg</b>	<b>22%</b>
<b>Total Carbohydrate 60g</b>	<b>22%</b>
Dietary Fiber 3g	<b>11%</b>
Total Sugars 5g	
includes 5g Added Sugars	<b>10%</b>
<b>Protein 6g</b>	
Vitamin D 0mcg	0%
Calcium 30mg	2%
Iron 0.9mg	4%
Potassium 1130mg	25%
* The % Daily Value tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice	

<sup>(Δ)</sup> for reference only. Clients will be responsible for the final formats of nutrition fact label declared on the actual products.

Added sugars value was provided by clients

**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

**Can Tho Laboratory:** Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service ([www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx](http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx)). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

The authenticity of this document may be verified at <https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.



Signed for and on behalf of  
**SGS Vietnam LTD**  
 Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam  
 Lâm Văn Xự



**Lâm Văn Xự**  
 Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng



## SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

**Can Tho Laboratory:** Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service ([www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx](http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx)). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

The authenticity of this document may be verified at  
<https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.